

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **155/2020/DS-PT**

Ngày 10-8-2020

V/v Tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng

Các thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng

Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2020/TLPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 146/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Phùng Văn A, sinh năm 1972; cư trú tại: Số 2/3B ấp A1, xã A2, huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh, có mặt;

2. Bà Phùng Thị Kim B, sinh năm 1963; cư trú tại: Số 17/4 ấp A1, xã A2, huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh, có mặt;

3. Bà Phùng Thị Kim C, sinh năm 1972; cư trú tại: Tổ 22 ấp C1, xã C2, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- Bị đơn: Ông Phùng Văn D, sinh năm 1959; cư trú tại: Số nhà 91 (số cũ K519), khu phố D1, phường D2, huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phùng Văn E, sinh năm 1958; cư trú tại: ấp C1, xã C2, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

2. Ông Phùng Văn G, sinh năm 1961; cư trú tại: ấp G1, xã A2, huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh (đã chết ngày 18-5-2020);

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông G:

- Anh Phùng Tấn H, sinh năm 1984, cư trú tại: Khu phố H1, thị trấn H2, huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh, có mặt;

- Anh Phùng Tấn L, sinh năm 1982, cư trú tại: ấp L1, xã L2, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, có mặt;

Người đại diện hợp pháp của anh H: Anh Phùng Tấn L là người đại diện ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền ngày 03-8-2020).

3. Bà Phùng Thị Kim M, sinh năm 1966; cư trú tại: Số nhà 11, tổ 22, ấp C1, xã C2, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, có mặt;

4. Ông Phùng Văn N, sinh năm 1968; cư trú tại: Số 85/1B ấp N1, xã A2, huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh, có mặt;

5. Ông Phùng Văn O, sinh năm 1969; cư trú tại: 17/7A ấp N1, xã A2, huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh, có mặt;

6. Bà Phùng Thị Cẩm P, sinh năm 1976; cư trú tại: Số 343A, ấp P1, xã p2, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

7. Ông Phùng Hoàng Q, sinh năm 1980; cư trú tại: Số 15/3 ấp A1, xã A2, huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh, có mặt.

8. Bà Huỳnh Thị R, sinh năm 1982; cư trú tại: Số 15/3 ấp A1, xã A2, huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh, vắng mặt;

9. Bà Nguyễn Thị Thanh S, sinh năm 1964; cư trú tại: Số K519, ấp D1, xã D2, huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

10. Ngân hàng V

Người đại diện hợp pháp ngân hàng: Ông Đặng Văn V1– Giám đốc Ngân hàng V chi nhánh Tây Ninh, địa chỉ: V2, đường V3, khu phố V4, Phường V5, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn – anh Phùng Văn A, chị Phùng Thị Kim B, chị Phùng Thị Kim C và bị đơn - anh Phùng Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14-5-2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - ông Phùng Văn A, bà Phùng Thị Kim B, bà Phùng Thị Kim C thống nhất trình bày:

Cha mẹ ông bà là cụ Phùng Văn Ph và cụ Võ Thị T, chung sống với nhau có 11 người con gồm Phùng Văn E, Phùng Văn D, Phùng Văn G, Phùng Thị Kim B, Phùng Thị Kim M, Phùng Văn N, Phùng Văn O, Phùng Thị Kim C, Phùng Văn A, Phùng Thị Cẩm P và Phùng Hoàng Q. Quá trình chung sống cụ Ph, cụ T tạo lập được tài sản gồm phần đất diện tích 388,5m² (đo đạc thực tế là 386,4m²) thuộc tờ bản đồ số 4, thửa đất số 184, tọa lạc ấp A1, xã A2, Hòa Thành, Tây Ninh. Trên đất trước đây có 01 căn nhà ngói xây năm 1959, hiện nay căn nhà ngói không còn ngoài ra không còn tài sản nào khác. Cụ Ph chết năm 2008, cụ T chết năm 2012 không để lại di chúc.

Ngày 18-10-2014, các con cụ Ph có văn bản phân chia tài sản, giấy thỏa thuận tặng cho nhà và giấy cam kết giao ông D đứng tên sử dụng đất và sở hữu nhà để thuận tiện bán tài sản chia cho các anh em. Khi ký tên xong ông D không thực hiện đúng như cam kết, tự ý đem tài sản thế chấp Ngân hàng. Hiện nay trên phần đất ông D có xây dựng 01 căn nhà tường cấp 4A.

Nay ông, bà khởi kiện yêu cầu ông D chia đều phần đất của cha mẹ chết để lại theo quy định của pháp luật, không yêu cầu chia căn nhà ngói cũ xưa, không yêu cầu chia căn nhà tường cấp 4A do ông D xây dựng và không yêu cầu chia cây trái trên đất. Ông A, bà B, bà C yêu cầu được chia hiện vật cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt giấy CNQSDĐ), ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18-6-2019 bị đơn - ông Phùng Văn D trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của các nguyên đơn về thời gian cha mẹ ông chết, về các anh chị em của ông và khối tài sản mà cụ Ph, cụ T để lại. Khi cha mẹ chết tất cả anh em đã ký tên tặng cho ông phần đất này, hiện ông là người đứng tên trong giấy CNQSDĐ số CS09814 ngày 2-12-2018. Đối với yêu cầu của nguyên đơn ông không đồng ý chia đều 11 phần mà để làm nhà thờ diện tích ngang 5,4m x dài 25m, trích ngang 2m x 25m để trả nợ ngân hàng, vì vay ngân hàng để xây nhà thờ, còn lại diện tích ngang 7,8m x 25m chia đều cho 11 anh em, không yêu cầu giải quyết tài sản trên đất. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phùng Văn E, ông Phùng Văn G, bà Phùng Thị Kim M, ông Phùng Văn N, ông Phùng Văn O, bà Phùng Thị Kim P, ông Phùng Hoàng Q thống nhất trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của ông D, không bổ sung gì thêm.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị R đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.*

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh S trình bày:* Bà không có quyền lợi nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án vì đây là tài sản của bên chồng bà là ông Phùng Văn D nên bà không có ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ Điều 609, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 của Bộ luật Dân sự; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn A đối với ông Phùng Văn D về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

2. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Kim B và bà Phùng Thị Kim C đối với ông Phùng Văn D về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Ông Phùng Văn D được quyền sử dụng phần đất diện tích là 388,5m² (do đặc thực tế là 386,4m²) và sở hữu 01 căn nhà cấp 4A + mái che phía trước cổng chính và mái che phía sau cổng chính thuộc tờ bản đồ số 4, thửa đất số 184 tọa lạc ấp A1, xã A2, Hòa Thành, Tây Ninh do ông Phùng Văn D đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS09814 ngày 26/12/2018 có tứ cận:

-Đông giáp thửa 141 dài 24,59m

-Tây giáp thửa 361 dài 20,98 + 4,03m

-Nam giáp hẻm 4m dài 8,84m + 0,85m + 5,40m

-Bắc giáp đường Nguyễn Văn Linh dài 9,56m + 6,32m

Ông Phùng Văn D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phùng Văn A số tiền 541.803.000 đồng (năm trăm bốn mươi một triệu tám trăm lẻ ba nghìn đồng).

Ông Phùng Văn D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phùng Thị Kim B, bà Phùng Thị Kim C, ông Phùng Văn E, ông Phùng Văn G, bà Phùng Thị Kim M, ông Phùng Văn N, ông Phùng Văn O, ông Phùng Hoàng Q, bà Phùng Thị Cẩm P, mỗi người số tiền 256.461.000 đồng (hai trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Trên phần đất có một số cây trái trên đất các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi chậm trả, án phí, chi phí đo đạc, định giá, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02-3-2020, nguyên đơn - ông Phùng Văn A, bà Phùng Thị Kim B, bà Phùng Thị Kim C có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu được hưởng 1/11 tài sản của cha mẹ để lại, nhận bằng hiện vật diện tích đất ngang 1,43m x dài 25m.

Ngày 10-3-2020, bị đơn - ông Phùng Văn D có đơn kháng cáo với nội dung không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn xác định việc phân chia di sản của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp nhưng yêu cầu được chia hiện vật, căn cứ Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 27-7-2020 của UBND tỉnh Tây Ninh thì diện tích đất nguyên đơn được chia không đủ diện tích tách thửa nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu chia hiện vật của nguyên đơn. Quá trình giải quyết ông D đồng ý chia đôi với diện tích đất còn lại ngang 7,8m. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất được chia là theo giá trị đất vườn là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn, tại phiên tòa phúc thẩm ông D đồng ý chia đôi với diện tích đất ngang 08m cần ghi nhận. Mặc khác, tại phiên tòa và quá trình giải quyết vụ án những người thừa kế gồm bà M, ông N, ông O, bà P, ông Q và những người thừa kế của ông G gồm anh L và anh H đồng ý cho ông D phần tài sản mà mình được hưởng nên cần ghi nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn - Phùng Văn A, Phùng Thị Kim B, Phùng Thị Kim C và bị đơn - ông Phùng Văn D.

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phùng Văn E đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do; bà Phùng Thị Cẩm P, bà Nguyễn Thị Thanh S, ông Đặng Văn Bình vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

Ngày 18-5-2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phùng Văn G chết, có vợ là bà Lê Thị Quyên, sinh năm 1964 đã ly hôn theo Quyết định số 54/2013/QĐST-HNGĐ ngày 25-03-2013 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông G là anh Phùng Tấn L, Phùng Tấn H. Tại phiên tòa, anh L, anh H đồng ý tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ngày 20-01-2020, ông Phùng Văn D và bà Nguyễn Thị Thanh S thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 388,5m² thuộc thửa số 184, tờ bản đồ số 04, do ông D đứng tên giấy CNQSDĐ theo số CS09814 ngày 26-12-2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp, để đảm bảo khoản vay 800.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay hạn mức tại Ngân hàng V. Tại cấp phúc thẩm Ngân hàng đồng ý tham gia tố tụng và cho rằng khoản nợ vay chưa đến hạn, không yêu cầu giải quyết đối với hợp đồng thế chấp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về nội dung: Quá trình chung sống cụ Ph và cụ T tạo lập được phần đất diện tích 692 m² thuộc tờ bản đồ số 02, thửa đất số 42, tọa lạc ấp A1, xã A2, Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh theo giấy CNQSDĐ số 01761 QSDĐ/D11 ngày 25-7-1994 do Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện Hòa Thành cấp cho cụ Phùng Văn

Phđúng tên. Khi còn sống, cụ Ph và cụ T có chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 247 m² cho ông Nguyễn Thanh Mẫn, bà Nguyễn Thị Huệ nên diện tích còn lại sau khi biến động là 417 m². Do cụ Ph (chết năm 2008), cụ T (chết năm 2012) không để lại di chúc nên vào ngày 18-10-2014, các con của cụ Ph và cụ T đã lập Giấy thỏa thuận và Văn bản phân chia tài sản thừa kế đối với di sản của hai cụ để lại là phần đất diện tích 417 m² và căn nhà trên đất. Đến ngày 26-12-2018, anh Huỳnh được UBND huyện Hòa Thành cấp giấy CNQSDĐ số CS09814 diện tích 388,5 m² (diện tích đo đạc thực tế 386,4 m²) trị giá đất 6.097.676.490 đồng.

Trên đất có căn nhà tường cấp 4A, mái che phía trước, mái che phía sau cổng chính, công trình phụ trên đất, tổng giá trị 338.603.376 đồng. Ngoài ra trên đất có các cây trồng gồm 02 cây bằng lăng, 02 cây mai vàng, 02 cây chuối, 01 cây bưởi, 01 cây ổi trị giá 1.090.000 đồng. Đối với nhà, công trình phụ, mái che và cây trồng trên đất các đương sự thống nhất do ông D trồng và xây dựng không tranh chấp.

[3] Xét thấy tại Giấy thỏa thuận và Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 18-10-2014, các thừa kế của cụ Ph, cụ T thống nhất thỏa thuận với nội dung “đồng ý tặng cho phần thừa kế của mình được thừa hưởng giao lại cho Phùng Văn D được thừa hưởng” và cam đoan việc tặng cho hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, hai văn bản trên đã được công chứng thực theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn cũng thừa nhận có ký tên trong các văn bản trên. Đến ngày 26-12-2018, ông D được UBND huyện Hòa Thành cấp giấy CNQSDĐ. Sau khi thỏa thuận phân chia đất, ông D xây nhà thờ là căn nhà tường cấp 4A, mái che phía trước, mái che phía sau cổng chính, công trình phụ trên đất nguyên đơn không có ý kiến tranh chấp. Do đó, có căn cứ xác định việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cụ Ph, cụ T đã được thỏa thuận xong, có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 502, 503 Bộ luật Dân sự.

[4] Tại Giấy cam kết ngày 18-10-2014, ông D cam kết “...Sau này nếu tôi có tự ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hoặc lập di chúc và người thừa kế đất theo pháp luật của tôi và Tôi có trách nhiệm thanh toán cho Phùng Văn A số tiền tương ứng với số tài sản hiện nay tôi được hưởng là 1/11 số tài sản của cha Phùng Văn Ph và mẹ Võ Thị T chết để lại”. Do đó, anh Huỳnh chỉ có trách nhiệm thanh toán cho anh Hùng khi tự ý chuyển nhượng đất hay lập di chúc. Tuy nhiên, tại biên bản ngày 18-6-2020, anh Huỳnh đồng ý chia đều cho các anh em phần đất diện tích còn lại ngang 7,8m (bút lục 74-75) nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D đồng ý chia đối với diện tích đất ngang 08m nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Đối với yêu cầu chia hiện vật của các nguyên đơn thì thấy rằng diện tích các nguyên đơn được chia không đủ điều kiện để tách thửa theo quy định tại Quyết định số: 28/2020/QĐ-UBND ngày 27-7-2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh nên không chấp nhận yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật của ông A, bà B và bà C.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị diện tích đất được chia theo giá trị đất vườn là không phù hợp ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên cần xem xét lại giá trị diện tích đất được chia cụ thể giá trị đất tranh chấp theo

chứng thư thẩm định giá ngày 28-10-2019 là 6.097.676.490 đồng, theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 24-9-2019 thì diện tích đất tranh chấp ngang 15,88m nên trị giá là 383.984.665 đồng/m và giá trị của diện tích đất ngang 8m là 3.071.877.320 đồng. Phần giá trị của những người thừa kế là 279.261.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông D thừa nhận có ký giấy cam kết ngày 18-10-2014 cam kết chia cho ông A giá trị số tiền tương ứng với số tài sản được hưởng 1/11 nên cần chia cho ông A 1/11 giá trị tài sản là 1,44m đất với giá trị là 554.334.000 đồng.

Tại phiên tòa, những người thừa kế gồm bà M, ông N, ông O, bà P, ông Q và những người thừa kế của ông G gồm anh L và anh H đồng ý tặng cho ông D phần tài sản mà mình được hưởng nên cần ghi nhận. Do những người thừa kế trên đã tặng cho phần tài sản được hưởng nên không phải chịu chi phí tố tụng, ông D phải chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đối với hợp đồng thế chấp đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng số tiền 800 triệu đồng thì thấy rằng phần tài sản ông D được hưởng và được tặng cho từ những người thừa kế khác có giá trị cao hơn đối với số tiền vay được đảm bảo, mặc khác tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất không tranh chấp đối với hợp đồng thế chấp số LN2001162114035 ngày 20-01-2020, nguyên đơn xác định tài sản sau khi trừ khoản vay của Ngân hàng thì vẫn đảm bảo giá trị tài sản nguyên đơn được hưởng nên cần ghi nhận.

Các đương sự thống nhất không tranh chấp cây trồng trên đất, người được giao đất được quyền sở hữu cây trồng trên đất nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn – ông Phùng Văn A, bà Phùng Thị Kim B và bà Phùng Thị Kim C. Chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo bị đơn – ông Phùng Văn D; chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, sửa bản án sơ thẩm như nhận định trên.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 609, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), Tây Ninh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Văn A đối với ông Phùng Văn D về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

2. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị Kim B và bà Phùng Thị Kim C đối với ông Phùng Văn D về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Ông Phùng Văn D được quyền sử dụng phần đất diện tích là $388,5\text{m}^2$ (đo đạc thực tế là $386,4\text{m}^2$) và sở hữu 01 căn nhà cấp 4A + mái che phía trước cổng chính, mái che phía sau cổng chính và cây trồng trên đất thuộc tờ bản đồ số 4, thửa đất số 184 tọa lạc ấp A1, xã A2, huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), Tây Ninh do ông Phùng Văn D đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS09814 ngày 26-12-2018, đất có tứ cận:

-Đông giáp thửa 141 dài 24,59m

-Tây giáp thửa 361 dài 20,98 + 4,03m

-Nam giáp hẻm 4m dài 8,84m + 0,85m + 5,40m

-Bắc giáp đường Nguyễn Văn Linh dài 9,56m + 6,32m

Ông Phùng Văn D có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phùng Văn A số tiền 554.334.000 đồng (năm trăm năm mươi bốn triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Ông Phùng Văn D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phùng Thị Kim B, bà Phùng Thị Kim C, ông Phùng Văn E mỗi người số tiền 279.261.000 đồng (hai trăm bảy mươi chín triệu hai trăm sáu mươi một nghìn đồng).

- Ghi nhận ông Phùng Văn N, các thừa kế của ông Phùng Văn G là anh Phùng Tấn L và Phùng Tấn H, bà Phùng Thị Kim M, ông Phùng Văn O, ông Phùng Hoàng Q, bà Phùng Thị Cẩm P, tặng cho phần tài sản mình được hưởng cho ông Phùng Văn D.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về chi phí đo đạc, định giá:

Ông A phải chịu 1.727.000 đồng (một triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng). Ghi nhận ông A đã nộp và chi phí xong.

Bà B và bà C phải chịu 818.000 đồng (tám trăm mười tám nghìn đồng). Ghi nhận bà B và bà C đã nộp và chi phí xong.

Ông E nghĩa vụ thanh toán cho ông A, bà B và bà C số tiền 818.000 đồng (tám trăm mười tám nghìn đồng).

Ông Phùng Văn N, các thừa kế của ông Phùng Văn G là anh Phùng Tấn L và Phùng Tấn H, bà Phùng Thị Kim M, ông Phùng Văn O, ông Phùng Hoàng Q, bà Phùng Thị Cẩm P không phải chịu chi phí đo đạc, định giá.

Ông Phùng Văn D có nghĩa vụ thanh toán cho ông A, bà B và bà C số tiền 14.822.000 đồng (mười bốn triệu tám trăm hai mươi hai nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm: Ông Phùng Văn A phải chịu án phí là 26.173.000 đồng (hai mươi sáu triệu một trăm bảy mươi ba nghìn đồng) khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0013415 ngày 14-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh thì ông A còn phải nộp tiếp 23.673.000 đồng (hai mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Bà Phùng Thị Kim B, Phùng Thị Kim C mỗi người phải chịu án phí là 13.963.000 đồng (mười ba triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng) khấu trừ số tiền bà B, bà C đã nộp 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0013417 và biên lai thu số 0013416 ngày 14-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh thì bà B, bà C mỗi người còn phải nộp tiếp 11.463.000 đồng (mười một triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Ông Phùng Văn N, các thừa kế của ông Phùng Văn G là anh Phùng Tấn L và Phùng Tấn H, bà Phùng Thị Kim M, ông Phùng Văn O, ông Phùng Hoàng Q, bà Phùng Thị Cẩm P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phùng Văn E và ông Phùng Văn D được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Ông Phùng Văn A, bà Phùng Thị Kim B, Phùng Thị Kim C và ông Phùng Văn D không phải chịu, hoàn trả cho mỗi người 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0008555, 0008556, 0008557 ngày 02-3-2020 và biên lai thu số 0008605 ngày 13-3-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, (nay là thị xã Hòa Thành) tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện/ thị xã Hòa Thành;
- CCTHADS huyện/ thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Phòng GDKT;
- Lưu tập án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Phượng

